TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày: 26/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tam .

Các Hộithẩm nhân dân:

+ Ông Đặng Ngọc Thập.

+ Ông Nguyễn Đình Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoàng Sa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn***, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2024/HSST ngày 06 tháng 12 năm 2024, theo Quyếtđưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo sau:

1. Trần Hải L, ngày 08 tháng 3 năm 1983 tại xã Q (nay là thị trấn T), huyện N, Quảng Nam; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Công chức; Giới tính: Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Văn C, sinh năm 1962 và bà Lê Thị X, sinh năm 1959; Bị cáo là con đầu trong gia đình có 03 anh em; Vợ Đàm Thị L1, sinh năm 1988; Bị cáo có 3 người con, con lớn nhất sinh năm 2008 và con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng "Tạm giam, tạm giữ" tại Nhà tạm giữ Công an huyện N ngày 04/12/2023.

2. Uông Văn T**,** sinh ngày 08 tháng 4 năm 1965 tại xã P, huyện N, Quảng Nam; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thônNinh Khánh, xã N, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Công chức; Giới tính: Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Uông L2, sinh năm 1925 (đã chết) và bà Võ Thị A, sinh năm 1927 (đã chết); Bị cáo là con 9 trong gia đình có 10 anh chị em; Vợ

Trần Thị T1, sinh năm 1960; Bị cáo có 6 người con, con lớn nhất sinh năm 1983 và con nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: không.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

3. Đỗ Thị Cẩm A1, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1984 tại thị trấn T, xã Q, huyện N, Quảng Nam; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Công chức; Giới tính: Nữ; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đỗ Trung Đ, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956; Bị cáo là thứ 2 trong gia đình có 03 anh em; Chồng bị cáo Nguyễn Đình N, sinh năm 1980; bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015 và con nhỏ nhất sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: không.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

* Tất cả các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho Uông Văn T**:** Luật sư Phạm Đại D, Công ty L5 thuộc đoàn luật sự TP .

* Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Hội nông dân huyện N, Quảng Nam

Đại diện có ông Trần Thiện T2, Chủ tịch Hội nông dân huyện.

* Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Bá C1, sinh năm 1981; Phó Chủ tịch Hội nông dân huyện.

* Có mặt.

2. Bà Bùi Thị L3, sinh năm 1974

Địa chỉ: TDP P, thị trấn T, N, Quảng Nam.

* Vắng mặt không có lý do

3. Ông Nguyễn Thanh Đ1, sinh năm 1980; Chủ tịch Hội nông dân thị trấn T, huyện N. Có mặt

4. Bà Đoàn Thị Ngọc T3, sinh năm 1985. Vắng mặt có lý do.

Địa chỉ: TDP L, thị trấn Đ, Q, Quảng Nam.

5. Bà Đàm Thị L1, sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: TDP Đ, thị trấn T, huyện N, Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam tiếp nhận thông tin tội phạm từ Ủy ban kiểm tra H đề nghị điều tra, xử lý vi phạm xảy ra tại Quỹ hỗ trợ nông dân huyện N, tỉnh Quảng Nam. Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã thụ lý, tiến hành xác minh, điều tra kết luận: Trần Hải L được bầu cử giữ chức danh Chủ tịch Hội Nông dân huyện N, tỉnh Quảng Nam vào tháng 10/2021. Đến tháng 3/2022, Trần Hải L được phân công kiêm nhiệm thêm chức vụ Giám đốc Ban điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân huyện N. Uông Văn T là Uỷ viên Ban Thường vụ Hội Nông dân huyện được phân công làm thủ quỹ của Quỹ hỗ trợ nông dân huyện từ tháng 3/2016; Đỗ Thị Cẩm A1 là Uỷ viên Ban Thường vụ Hội Nông dân huyện được phân công làm kế toán của Quỹ hỗ trợ nông dân từ tháng 3/2022. Trong thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 01/2023, bị cáo Trần Hải L đã yêu cầu bị cáo Uông Văn T lấy tiền mặt từ Quỹ hỗ trợ nông dân huyện đưa cho mình ứng, mượn để sử dụng cá nhân rồi chiếm đoạt. Cụ thể như sau:

- Ngày 22/4/2021, Trần Hải L lấy số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) với mục đích đi công tác.

- Ngày 17/8/2021, L lấy số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với mục đích chữa bệnh cho cha bị tai nạn.

- Ngày 01/12/2021, L lấy số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với mục đích chữa bệnh cho cha bị tai nạn.

- Ngày 21/6/2022, L lấy 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với mục đích chữa bệnh cho cha vợ.

- Ngày 12/7/2022, L yêu cầu T đưa tiền hai lần: lần thứ nhất lấy 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), lần thứ hai lấy 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đều với mục đích chữa bệnh cho cha bị tai nạn.

- Ngày 03/10/2022, L lấy 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với mục đích mua đất ở Đ.

- Ngày 13/10/2022, L lấy số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với mục đích mua đất ở Đ.

- Ngày 26/10/2022, L lấy số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) với mục đích làm lại nhà ở.

- Ngày 01/11/2022, L lấy số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) với mục đích làm lại nhà ở.

- Ngày 10/11/2022, L tiếp tục lấy số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với mục đích làm lại nhà ở.

- Ngày 16/11/2022, L lấy số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) với mục đích mua máy xay cà phê.

- Ngày 01/12/2022, L lấy số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với mục đích mua máy xay cà phê.

- Ngày 21/12/2022, L lấy số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với mục đích đi hội nghị ở tỉnh.

- Ngày 30/12/2022, L lấy số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với mục đích đi công tác ở D.

- Ngày 05/01/2023, L lấy số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với mục đích trả nợ.

- Ngày 09/01/2023, L lấy số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) với mục đích trả nợ.

- Ngày 14/01/2023, L lấy số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) với mục đích trả nợ.

- Ngày 18/01/2023, L lấy số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với mục đích trả nợ.

- Ngày 19/01/2023, L lấy số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) với mục đích trả nợ.

Số tiền Trần Hải L chiếm đoạt của Quỹ hỗ trợ nông dân huyện N, tỉnh Quảng Nam bằng cách yêu cầu thủ quỹ Uông Văn T đưa tiền cho mình mượn tổng cộng là 341.000.000đ *(Ba trăm bốn mươi mốt triệu đồng)*. Trần Hải L đã sử dụng số tiền chiếm đoạt được vào mục đích chơi game, chứng khoán, đánh bạc trên mạng và không có khả năng trả lại.

Ngoài ra, vào tháng 7/2021, Trần Hải L (là chủ tài khoản, quản lý vốn vay của Quỹ hỗ trợ nông dân huyện) đã làm giả bộ hồ sơ vay vốn của bà Đàm Thị L1 (là vợ của L) để chiếm đoạt số tiền là 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*.

Như vậy bị cáo Trần Hải L trong thời gian làm giám đốc Quỹ hỗ trợ nông dân huyện N đã chiếm đoạt tổng cộng 371.000.000 đồng.

Đối với Uông Văn T là thủ quỹ của Q hỗ trợ nông dân huyện N, là người trực tiếp quản lý về tiền của Q hỗ trợ nông dân, có trách nhiệm quản lý quỹ tiền mặt, nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng theo quy định của Quy chế hoạt động Quỹ hỗ trợ nông dân. Bị cáo Uông Văn T vì tin tưởng Trần Hải L mượn tiền sẽ trả lại nên nhiều lần lấy tiền của quỹ hỗ trợ nông dân đưa cho Trần Hải L tiêu xài cá nhân mà không có khả năng trả được dẫn đến việc L chiếm đoạt số tiền 341.000.000đ *(Ba trăm bốn mươi mốt triệu đồng)*.

Đối với Đỗ Thị Cẩm A1: Bị cáo Anh được điều động từ Văn phòng H1 sang công tác tại Hội nông dân huyện N từ ngày 01/3/2022 và được bầu vào Ban Thường vụ Hội Nông dân huyện. Đến ngày 28/3/2022, Anh được phân công làm kế toán của Quỹ hỗ trợ nông dân huyện và thực hiện nhiệm vụ kế toán của Q cho đến nay. Trong

quá trình thực hiện nhiệm vụ tại Hội Nông dân huyện với vai trò là kế toán của Quỹ hỗ trợ nông dân huyện, bị cáo A1 đã không thực hiện nghiệp vụ Kế toán theo quy định của pháp luật (theo quy định tại thông tư 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ T5; Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ T5 và các văn bản có liên quan). Cụ thể: Không đề xuất, tham mưu chủ tài khoản làm thủ tục nộp tiền quỹ phát sinh vào tài khoản mở tại Kho bạc mà thực hiện thu chi bằng tiền mặt; hằng ngày, hằng tháng, hàng quý không kiểm tra quỹ tiền mặt và đối chiếu giữa sổ tiền mặt của kế toán với sổ quỹ của thủ quỹ và tiền mặt có trong két sắt tại đơn vị dẫn đến không phát hiện được quỹ tiền mặt bị thất thoát do Uông Văn T lấy tiền đưa cho Trần Hải L mượn. Chính việc không thực hiện đúng quy định về nghiệp vụ tài chính-kế toán, thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của Đỗ Thị Cẩm A1 nên từ tháng 3/2022 đến tháng 1/2023 Anh đã tạo điều kiện cho bị cáo Trần Hải L có cơ hội chiếm đoạt số tiền 303.000.000đ *(Ba trăm lẻ ba triệu đồng)*.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKSNS ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam truy tố các bị cáo Trần Hải L về tội ***"Tham ô tài sản"*** theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Uông Văn T về tội ***"Vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãnh phí"*** theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 219 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Đỗ Thị Cẩm A1 về tội ***"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*** theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

*** Vật chứng thu giữ trong vụ án:**

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tạm giữ gồm: 01 *(một)* cuốn sổ tay màu hồng đậm, có chữ "Dân vận"; 01 *(một)* cuốn sổ tay màu đà đen, có chữ "Hội đồng nhân dân huyện N khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026"; 01 *(một)* cuốn sổ tay Đảng viên màu đỏ; 01 *(một)* cuốn sổ tay màu đà, đen có chữ "VICTORY"; 01 *(một)* USB hiệu Kingston 16GB.

*** Trách nhiệm dân sự:** Đại diện Hội nông dân huyện N, ông Trần Thiện T2 yêu cầu bị cáo Trần Hải L hoàn trả số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là 371.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra Trần Hải L đã tự nguyện nộp lại số tiền 30.000.000 đồng cho Hội Nông dân huyện N mà L đã làm giả hồ sơ đứng tên vợ để vay; Uông Văn T đã tự nguyện khắc phục số tiền 150.000.000đ *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*, Đỗ Thị Cẩm A1 tự nguyện khắc phục số tiền 5.000.000 đồng. Như vậy số tiền còn lại là 186.000.000 đồng (Một trăm tám sáu triệu đồng) đề nghị buộc bị cáo Trần Hải L có trách nhiệm hoàn số tiền còn lại trên.

Tại phiên tòa bị cáo Uông Văn T cho rằng toàn bộ thiệt hại gây ra do bị cáo Trần Hải L chiếm đoạt, khi khắc phục hậu quả bị cáo tự nguyện khắc phục thay cho L. Vì thế, bị cáo yêu cầu bị cáo L có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 150.000.000

đồng mà bị cáo khắc phục thay. Bị cáo Trần Hải L chấp nhận yêu cầu của bị cáo Uông Văn T.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, xem xét tính chất mức độ nghiêm trọng và hậu quả đối với hành vi của các bị cáo, trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Hải L về tội ***"Tham ô tài sản"***, Uông Văn T về tội ***"Vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãnh phí"*** và Đỗ Thị Cẩm A1 về tội ***"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"***.

Đối với Trần Hải L: Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 , khoản 5 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo Trần Hải L từ 05 năm đến 06 năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giam tạm giữ. Cấm đảm nhiệm chức vụ có thời hạn đối với Trần Hải L.

Đối Uông Văn T: Căn cứ vào điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 219, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi 2017, xử phạt các bị cáo Uông Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng. Cấm đảm nhiệm chức vụ có thời hạn đối với Uông Văn T.

Đối với Đỗ Thị Cẩm A1: Căn cứ vào điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 360, điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi 2017, xử phạt các bị cáo Đỗ Thị Cẩm A1 từ 12 tháng đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ. Cấm đảm nhiệm chức vụ có thời hạn đối với Đỗ Thị Cẩm A1.

Đề nghị HĐXX tuyên xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp và án phí theo quy định.

* Luận cứ bào chữa cho Uông Văn T: Thống nhất với Cáo trạng và nội dung luận tội của Viện kiểm sát quy kết các bị cáo ở điểm d khoản 2 Điều 219 Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 BLHS giảm nhẹ cho bị cáo dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát và cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định.

* Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo L tiếp tục khắc phục hậu quả còn lại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T và bị cáo A1.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của C2 tra Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam, Điềuviên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của C3 tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung và căn cứ kết tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

- Đối với Trần hải L: Trong thời gian giữ chức vụ Chủ tịch Hội nông dân kiêm Giám đốc Ban điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân tại Hội nông dân huyện N, tỉnh Quảng Nam, bị cáo Trần Hải L lợi dụng chức năng, nhiệm vụ được giao đã có hành vi làm giả hồ sơ của người khác để vay vốn của Q số tiền 30.000.000 đồng rồi chiếm đoạt. Và, từ ngày 22/4/2021 đến ngày 009/01/2023 bị cáo là thủ trưởng cơ quan yêu cầu thủ quỹ Uông Văn T cho ứng, mượn tiền mặt của Quỹ hỗ trợ nông dân sử dụng vào mục đích cá nhân tổng cộng 20 lần với số tiền 341.000.000 đồng rồi chiếm đoạt và không có khả năng trả lại cho Q. Như vậy, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của Q hỗ trợ hội nông dân là 471.000.000 đồng.

- Đối với Uông Văn T: Trong thời gian giữ chức vụ thủ quỹ của Quỹ hỗ trợ nông dân huyện N, bị cáo Uông Văn T không thực hiện đúng quy định. Vì cả nể, tin tưởng Trần Hải L ứng, mượn rồi sẽ trả tiền lại nên đã lấy tiền mặt từ nguồn quỹ của Quỹ hỗ trợ nông dân, đây tài sản có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước đưa cho bị cáo Trần Hải L mượn 20 lần với tổng số tiền 341.000.000 đồng mà không nghĩ L chiếm đoạt số tiền này, gây thất thoát 341.000.000 đồng tài sản nhà nước.

- Đối với bị cáo Đỗ Thị Cẩm A1: Trong thời gian làm kế toán Quỹ hỗ trợ nông dân thuộc Hội nông dân huyện N từ ngày 28/3/2023 đến khi phát hiện, bị cáo không thực hiện đúng theo Luật kế toán cũng như các hướng dẫn về nghiệp vụ kế toán, mà cụ thể là Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 và Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ T5, Hướng dẫn số 82-HD/QHTTW, ngày 22/12/2014 về việc Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn Quỹ hỗ trợ nông dân của Quỹ hỗ trợ Trung ương; không thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của kế toán, như: không kiểm tra đối chiếu quỹ tiền mặt, tiền gửi trong tài khoản tại kho

bạc giữa thủ quỹ với kế toán; không tham mưu bằng văn bản (chỉ phản ánh và báo cáo miệng cho thủ quỹ Uông Văn T và Trần Hải L, Giám đốc Ban điều hành Q) cho lãnh đạo nộp tiền thu hồi vốn vay vào tài khoản tại kho bạc theo quy định, để thủ quỹ giữ lại tiền mặt tại đơn vị với số tiền lớn và thủ quỹ Uông Văn T đã nhiều lần lấy cho bị cáo Trần Hải L ứng, mượn tiền từ Quỹ hỗ trợ nông dân sử dụng không đúng mục đích công vụ làm thất thoát số tiền 303.000.000 đồng tài sản nhà nước.

Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Hải L phạm tội "Tham ô tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Uông Văn T phạm tội "Vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 219 Bộ luật hình sự năm 2015 và bị cáo Đỗ Thị Cẩm A1 phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáovà quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, hành vi, vai trò phạm tội của các bị cáo thì thấy:

- Về tính chất vụ án: Vụ án xảy ra có tính chất rất nghiêm trọng. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước; xâm phạm đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn vay Nhà nước và ảnh hưởng đến quyền của người vay vốn của cá nhân theo chế độ quy định từ nguồn vốn Quỹ hỗ trợ nông dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; đồng thời hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng uy tín của cán bộ, công chức đối với nhân dân, ảnh hưởng đến công tác phòng chống tham nhũng tại địa phương nói riêng và toàn xã hội nói chung.

- Về hành vi của từng bị cáo trong vụ án thì thấy:

+ Đối với Trần Hải L: Để có tiền phục vụ cho mục đích cá nhân, bị cáo lợi dụng quyền hạn, nhiệm vụ được giao là Chủ tịch Hội nông dân kiêm Giám đốc Quỹ hỗ trợ nông dân đã làm giả hồ sơ vay vốn và nhiều lần mượn tiền Quỹ hỗ trợ nông dân để chiếm đoạt số tiền 371.000.000 đồng (*Ba trăm bảy mốt triệu đồng*) mà bị cáo phải có trách nhiệm quản lý, điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân cho các hội viên hội nông dân vay vốn của Quỹ theo quy định. Do vậy, cần áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 xử nghiêm bị cáo với một mức án tương xướng với tích chất, mức độ hành vi phạm tội và cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung và đối với bị cáo nói riêng để không gây ảnh hưởng xấu trong dư luận, nhất là công tác phòng, chống tham nhũng hiện nay.

+ Đối với bị cáo Uông Văn T: Bị cáo làm thủ quỹ, với vai trò, trách nhiệm giữ tiền và thu, chi đúng nguyên tắc tài chính theo quy định. Nhưng vì cả nể, tin tưởng

nên bị cáo tự ý cho bị cáo Trần Hải L ứng, mượn tiền nhiều lần của Quỹ hỗ trợ nông dân để sử dụng vào mục đích cá nhân và mất khả năng trả làm trái quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát 341.000.000 đồng. Do vậy, cần áp dụng điểm d khoản 2 Điều 219 Bộ luật hình sự năm 2015 xử nghiêm với một mức án tương xướng với tích chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo gây ra.

+ Đối với bị cáo Đỗ Thị Cẩm A1: Từ khi nhận nhiệm vụ làm kế toán Quỹ hỗ trợ nông dân từ tháng 03/2022 đến tháng 01/2023 bị cáo Đỗ Thị Cẩm A1 thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình để cho bị cáo Uông Văn T cho bị cáo Trần Hải L ứng, mượn tiền của Q hỗ trợ nông dân huyện gây thiệt hại tài sản 303.000.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự năm 2015 xử nghiêm với một mức án tương xướng với tích chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo thì thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Hải L, Uông Văn T và Đỗ Thị Cẩm A1 đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; các bị cáo khắc phục một phần hậu quả đã gây ra cho Quỹ hỗ trợ nông dân thuộc Hội nông dân huyện N nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Trần Hải L và Uông Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hìnhnăm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hìnhự, xử các bị cáo dưới khung hình phạt liền kề cho các bị cáo L và T là phù hợp.

- Đối với Trần Hải L: Trong quá trình công tác bị cáo được tặng thưởng "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và UBND nhân dân huyện H tặng Giấy khen. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

- Đối với Uông Văn T: Trong quá trình công tác, bị cáo có nhiều thành tích được Ban chấp hành hội nông dân Việt Nam tỉnh Q tặng *"Bằng khen"*, Chủ tịch UBND huyện H tặng *"Giấy Khen"*. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm **v** khoản 1 Điều 51 BLHS. Gia đình bị cáo có ông nội, cha, mẹ ruột là người có công cách mạng, anh trai là liệt sĩ và bị can đang là người thờ cúng. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; khi bị cáo lấy của Q đưa cho Trần Hải L mượn rồi chiếm đoạt mà có không có vụ cá nhân nhưng tự nguyện khắc phục được 150.000.000 đồng trên tổng số tiền 341.000.000 đồng. Bị cáo hiện nay đang điều trị rất nhiều bệnh, trong đó có bệnh viêm đa khớp dạng thấp nặng (là bệnh hiểm nghèo có trong danh mục quy định của Bộ Y theo Giấy ra viện của Trung tâm y tế huyện H). Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khi lượng hình.

Do bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hìnhnăm 2015; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hìnhự xử phạt bị cáo và không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của cơ quan nơi bị cáo công tác và gia đình, tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo tốt thành người công dân có ích xã hội thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước.

- Đối với Đỗ Thị Cẩm A1: Khi phạm tội bị cáo đang mang thai nên được áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa có tiền án tiền sự; trong quá trình công tác có nhiều thành tích, được tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở"; bản thân bị bệnh E06.3-Viêm giáp tự miễn; Gia đình bị can có ông nội, cô ruột và cha ruột là người có công với cách mạng; khi được phân công nhiệm vụ kế toán bị cáo không có nghiệp vụ chuyên môn về kế toán. Hội Nông dân huyện N với tư cách là bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do bị cáo A1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có công việc ổn định nên không cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà áp dụng Điều 36 BLHS xử phạt bằng hình phạt Cải tạo không giam giữ tương xứng với tính chất, mức độ đối với bị cáo cũng đủ răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Hiện bị cáo A1 đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi (sinh con tháng 10/2024) nên không khấu trừ thu nhập hằng tháng cũng như phục vụ lao động cộng đồng theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 353; khoản 4 Điều 356 và khoản 4 Điều 360 của Bộ luật hình sự năm 2015 cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ thời gian nhất định để đảm bảo tỉnh nghiêm minh của pháp luật.

[6]. Về biện pháp tư pháp và các vấn đề liên quan: 01 (một) cuốn sổ tay màu hồng đậm, có chữ "Dân vận"; 01 (một) cuốn sổ tay màu đà đen, có chữ "Hội đồng nhân dân huyện N khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026"; 01 (một) cuốn sổ tay Đảng viên màu đỏ; 01 (một) cuốn sổ tay màu đà, đen có chữ "VICTORY"; Hội đồng xét xử xét căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần tuyên trả lại cho bị cáo là cần thiết.

Tiếp tục lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án 01 (một) USB hiệu Kingston 16GB.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền bị cáo Trần Hải L chiếm đoạt là 371.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra Trần Hải L đã tự nguyện nộp lại số tiền 30.000.000 đồng cho Hội Nông dân huyện N; Uông Văn T đã tự nguyện khắc phục thay cho Trần Hải L số tiền 150.000.000đ *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*, Đỗ Thị Cẩm A1 tự nguyện khắc phục thay cho Trần Hải L số tiền 5.000.000 đồng. Căn cứ

Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sựtuyên: Buộc bị cáo Trần Hải L tiếp tục bồi hoàn số tiền còn lại là 181.000.000 cho Q hội nông dân huyện N.

Về sự thỏa thuận về việc bị cáo L sau khi mãng hạn tù có trách nhiệm hoàn trả số tiền bị cáo T khắc phục thay là 150.000.000 đồng, xét thây nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận. Riêng Đỗ Thị Cẩm A1 không yêu cầu nên không xem xét.

[8]. Đối với các đối tượng liên quan:

Đối với bà Đoàn Thị Thạch T4 là kế toán Quỹ hỗ trợ nông dân trước tháng 3/2021, việc bị cáo Uông Văn T cho bị cáo Trần hải L ứng, mượn tiền Quỹ hỗ trợ nông dân vào các ngày 22/4/2021, ngày 17/8/2021 và ngày 10/12/2021 với số tiền 38.000.000 đồng. Tuy bà T4 không thực hiện đúng nhiệm vụ kế toán nhưng bà T4 không biết việc mượn gữa hai bị cáo và cũng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cơ quan CSĐT đề nghị xử lý về mặt chính quyền đối với bà T4 là phù hợp nên HĐXX không xem xét.

Đối với Huỳnh Bá C1, Phó Chủ tịch hội nông dân kiêm Giám đốc Quỹ Ban điều hành hỗ trợ nông dân yêu cầu bị cáo Uông Văn T cho bị cáo Trần Hải L mượn số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên qua quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay không chứng minh được sự việc trên. Do vậy, không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với Phạm Bá C4. Ngoài ra, với vai trò Phó Giám đốc Ban điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân, Ủy viên Hội nông dân huyện, nhưng trong thời gian này ông C4 đi học lớp Cao cấp chính trị không ở nhà; hơn nữa theo quy chế hoạt động và quy định của Q thì vai trò, trách nhiệm, phân công không cụ thể, rõ ràng nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự. Cơ quan CSĐT đã kiến nghị cơ quan thẩm quyền xử lý trách nhiệm cá nhân là thỏa đáng.

Đối với hồ sơ giả vay vốn của bà Đàm Thị L1 là do bị cáo Trần Hải L làm nhằm chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng có phần trách nhiệm của Ban chấp hành Hội nông dân huyện N và Ban chấp hành Hội nông dân thị trấn T, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền xử lý trách nhiệm các cá nhân liên theo quy định là thỏa đáng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Xét quan điểm điểm luận tội của đại diện Viện kieemmr sát là phù hợp nên chấp nhận.

[10]. Xét luận cứ bào chữa cho bị cáo Uông Văn T, đề nghị xử mắc án dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[11]. Các bị cáo Trần Hải L, Uông Văn T và Đỗ Thị Cẩm A1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Hải L phạm tội "Tham ô tài sản"; Uông Văn T phạm tội "Vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí"; Đỗ Thị Cẩm A1 phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

1. Đối với Trần Hải L**:** Căn cứ các điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trần Hải L 05 (năm) năm tù về tội "Tham ô tài sản"Thời gian thụ hành tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, tạm giữ (ngày 04/12/2023).

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Trần Hải L đảm nhiệm chức vụ thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong bản án.

2. Đối với Uông Văn T**:** Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 219; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Uông Văn T 24 (Hai bốn) tháng tù về tội "Vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn tám) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Uông Văn T cho Hội nông dân huyện N, tỉnh Quảng Nam và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc hoặc nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Uông Văn T đảm nhiệm chức vụ thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong bản án.

3. Đối với Đỗ Thị Cẩm A1: Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 360; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thị Cẩm A1 12 (Mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Thời điểm chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện N nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đỗ Thị Cẩm A1 cho Hội nông dân huyện N, tỉnh Quảng Nam và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Bị cáo Đỗ Thị Cẩm A1 phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Đỗ Thị Cẩm A1 đảm nhiệm chức vụ thời hạn 01 năm, kể từ ngày nhận Quyết định thi hành án.

* Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, tuyên trả cho bị cáo: 01 (một) cuốn sổ tay màu hồng đậm, có chữ "Dân vận"; 01 (một) cuốn sổ tay màu đà đen, có chữ "Hội đồng nhân dân huyện N khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026"; 01 (một) cuốn sổ tay Đảng viên màu đỏ; 01 (một) cuốn sổ tay màu đà, đen có chữ "VICTORY";

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam đang quản lý theo biên bản giao nhận tài liệu đồ vật ngày 26/8/2024)

Tiếp tục lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án 01 (một) USB hiệu Kingston 16GB.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sựtuyên: Buộc bị cáo Trần Hải L bồi hoàn số tiền là 371.000.000 đồng, nhưng cấn trừ vào số tiền đã bồi hoàn là 185.000.000 đồng (Trần Hải L đã giao nộp lại số tiền 30.000.000 đồng cho Hội Nông dân huyện N; Uông Văn T đã tự nguyện khắc phục số tiền 150.000.000 đồng tại Biên bản giao nhận ngày 26/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn và Đỗ Thị Cẩm A1 tự nguyện khắc phục số tiền 5.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0011253 ngày 07/6/2024 của tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn); Số tiền còn lại buộc bị cáo Trần Hải L tiếp tục bồi hoàn số tiền còn lại là 186.000.000 đồng (Một trăm tám sáu triệu đồng) cho Q hội nông dân huyện N.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Trần Hải L và Uông Văn T: Bị cáo Trần Hải L có trách nhiệm hoàn trả số tiền khắc phục hậu quả là 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* cho bị cáo Uông Văn T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghịsố 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ThườngQuốc hội quyvề mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị Trần Hải L4, Uông Văn T và Đỗ Thị Cẩm A1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Trần Hải L phải chịu 9.300.000 đồng (Chín triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Trần Hải L4 để đảm bảo việc chấp hành án.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các cơ quan tiến hành TT;
- Phòng HSNV Sở tư pháp Q Nam;
-THADS huyện Nông Sơn
- Người tham gia TT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Tam